

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày: 03-02-2021
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thống;

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C ..

Bị đơn: Bà Trần Hồng N, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2020, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 20/8/2019, bà Trần Hồng N hỏi mượn bà T số tiền 50.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, bà N có ký tên và ghi rõ họ tên trong giấy tập ô vuông thể hiện mượn tiền. Sau đó, bà T có yêu cầu bà N trả số tiền mượn thì bà N rời địa phương đi và không thực hiện việc trả nợ. Nay bà T khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà N thanh toán số tiền đã mượn là 50.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn là bà Trần Hồng N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định nhưng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Trần Hồng N vẫn vắng mặt không lý do.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn bà Trần Hồng N vắng mặt không lý do.
- Kiểm sát viên phát biểu: Việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử điều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật nên viên kiểm sát không có kiến nghị. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng; án phí, chi phí trưng cầu giám định buộc bị đơn chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Trần Hồng N thanh toán tiền mượn còn nợ (vay không lãi suất) nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Trần Hồng N có nơi cư trú tại ấp Bông Súng, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau và trong vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt do hoàn cảnh gia đình neo đơn (có con nhỏ) và ở xa điều kiện đi lại khó khăn nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T là phù hợp.

Bà Trần Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Trần Hồng N là có cơ sở.

[2] Về nội dung

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Trần Hồng N thanh toán tiền mượn (vay không lãi suất) số tiền 50.000.000 đồng.

Bà Trần Hồng N cung cấp cho Tòa án 01 giấy tập ô vuông, trong đó thể hiện nội dung bà Trần Hồng N ký tên nhận nợ mượn bà Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 đồng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập trực tiếp nhưng bà Trần Hồng N vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký và họ tên của bà Trần Hồng N trong giấy mượn tiền. Tòa án tiến hành thu thập mẫu so sánh là hồ sơ vay tiền của bà Trần Hồng N tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – phòng giao dịch huyện Năm Căn để trưng cầu giám định chữ ký và họ tên Trần Hồng N.

Tại kết quả giám định số 224/GĐ-PC09 ngày 09/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận: “*Chữ ký dạng viết đọc được “nhiên”; Chữ viết họ tên “trần hồng nhiên” dưới cụm từ “người mượn” trên Tờ giấy mượn tiền, ngày 20/8/2019, bút lục số 13/TA (Ký hiệu A) so với chữ ký dạng viết đọc được “nhiên”; Chữ viết họ tên “trần hồng nhiên” dưới mục “Người vay”; “BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN”; “KHÁCH HÀNG” trên “GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIÊM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY” ngày 08/5/2017, bút lục số 46/TA; “GIẤY ỦY QUYỀN” ngày 08/5/2017, bút lục số 47/TA; “PHIẾU GIAO DỊCH” ngày 06/5/2019, bút lục số 48/TA (Ký hiệu M1, M2, M3) và chữ ký dạng viết đọc được “nhiên” tại cột “Người vay” trên “SỔ LƯU TỜ RỜI THEO DÕI CHO VAY – THU NỢ - DU NỢ” bút lục số 49/TA (Ký hiệu M4) là do cùng một người ký và viết ra”.*

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bà Trần Hồng N vay tiền bà T 50.000.000 đồng là thực tế xảy ra. Việc bà Trần Hồng N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay còn nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc bà Trần Hồng N thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận toàn bộ nên bà Trần Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Chi phí trưng cầu giám định: Căn cứ Điều 161, 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Hồng N phải chịu. Bà Nguyễn Thị T đã dự nộp 4.250.000 đồng nên buộc bà Trần Hồng N phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 4.250.000 đồng.

[6] Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Hồng N chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bà Trần Hồng N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 161, Điều 162, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng

dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Trần Hồng N.

Buộc bà Trần Hồng N có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Trần Hồng N chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.500.000 đồng.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020, bà Nguyễn Thị T dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.250.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007412 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, được nhận lại toàn bộ.

3. Chi phí trưng cầu giám định:

Buộc bà Trần Hồng N phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị T chi phí trưng cầu giám định số tiền là 4.250.000 đồng.

4. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Hồng N chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bà Trần Hồng N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thùy Linh

